

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03-5-2024
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hòa B, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: khóm Long An B, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Kim N, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2024, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Hòa B, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N cưới nhau vào năm 1998, không nhớ

ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện H, tỉnh An Giang (nay là phường L, thị xã T, tỉnh An Giang). Hôn nhân do mai mối và anh cũng đồng ý kết hôn cùng chị N. Sau khi cưới anh và chị N cùng sinh sống tại Cần Thơ được 01 tháng thì về sinh sống bên gia đình chị N được 05-06 tháng thì về chung sống bên gia đình anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do mâu thuẫn trong chuyện làm ăn với gia đình chị N, sau đó cha vợ bắt chị N về nhà và anh không còn tình cảm với chị N. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị N không còn sống chung từ năm 1999 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh yêu cầu được ly hôn với vợ là chị Huỳnh Thị Kim N.

2. Về việc nuôi con: Anh và chị N chung sống có một con chung, con trai tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 29/3/1999, hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động, sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh và chị N chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh và chị N chung sống không có thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng bị đơn chị Huỳnh Thị Kim N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị N vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hòa B, cho anh B được ly hôn với chị Huỳnh Thị Kim N. Về nuôi con chung: Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 29/3/1999, hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động, sinh sống được nên không đề cập đến. Về tài sản chung và nợ chung anh B trình bày không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh **Nguyễn Hòa B** có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự yêu cầu giải quyết ly hôn giữa anh với chị **Huỳnh Thị Kim N**. Hiện chị **N** đang cư trú tại **ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Bị** đơn chị **Huỳnh Thị Kim N** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng chị **N** vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị **N** theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa anh **Nguyễn Hòa B** và chị **Huỳnh Thị Kim N** được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 56/HT, quyền số I/1998, ngày 15/05/2003 tại **Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, anh **Nguyễn Hòa B** và chị **Huỳnh Thị Kim N** chung sống mâu thuẫn với nhau là có thật, vì anh **B** cho rằng đã không còn tình cảm với chị **N** và vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ 1999 cho đến nay, có không gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Xét, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ sống chung cùng nhau, khi Tòa án tiến hành hòa giải cho anh **B**, chị **N** được đoàn tụ nhưng anh **B** vẫn cương quyết ly hôn với chị **N**. Chị **N** đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị **N** cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với anh **B**, điều này cho thấy chị **N** không có thiện chí để đoàn tụ với anh **B**. Nhận thấy hôn nhân giữa anh **B**, chị **N** không thể

hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh **Nguyễn Hòa B** được ly hôn với chị **Huỳnh Thị Kim N** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Xét thấy, con chung **Nguyễn Hoàng Q**, sinh ngày 29/3/1999, hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động, sinh sống được, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến là phù hợp Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về chia tài sản chung và nợ chung: Anh **B** trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh **Nguyễn Hòa B** chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004571 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh **Nguyễn Hòa B**. Cho anh **Nguyễn Hòa B** được ly hôn với chị **Huỳnh Thị Kim N**.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Nguyễn Hòa B** chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004571 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án (ngày 03/5/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung